

V/v "Hôn nhân và gia đình"

Phía bị đơn là anh Nguyễn Quốc Đ trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống, nh- chị Ngọc trình bày là đúng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Từ tháng 6/2017 chị N đã về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại khu 4, xã Trạm Thản, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai bên xác nhận có một con chung là Nguyễn Quỳnh D - sinh ngày 09/01/2017, hiện cháu D đang ở cùng chị N. Khi ly hôn cả chị N và anh Đ đều xin đ- ợc nuôi con và không yêu cầu cấp d- ỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Hai bên đều xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Quốc Đ đã đ- ợc Toà án triệu tập hợp lệ nh- ng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Quốc Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến nhận xét Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ng- ời tham gia tố tụng dân sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị N đ- ợc ly hôn anh Đ; giao cho chị N đ- ợc trực tiếp chăm sóc nuôi d- ỡng con chung là Nguyễn Quỳnh D - sinh ngày 09/01/2017, anh Đ không phải cấp d- ỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình do hai bên đều xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

Sau khi thẩm vấn công khai tại phiên tòa và nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quốc Đ là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tìm hiểu và tự nguyện. Theo chị N vợ chồng sống hạnh phúc đ- ợc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng th- ờng xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Phía anh Đ cho rằng quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Cả chị N và anh Đ đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Tuy nhiên anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải giữa hai bên nh- ng phía chị N vẫn kiên quyết xin đ- ợc ly hôn. Qua xác minh tại địa ph- ơng, thấy rằng chị N và anh Đ trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hiện đã sống ly thân. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị N và anh Đ mâu thuẫn rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc do vậy cần xử cho chị N đ- ợc ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

{2} Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quỳnh D - sinh ngày 09/01/2017, hiện cháu D đang ở cùng chị N. Khi ly hôn cả chị N và anh Đ đều xin đ- ợc nuôi con và không yêu cầu cấp d- ỡng nuôi con chung.

Xét thấy, nguyện vọng xin được nuôi con của cả hai đều chính đáng tuy nhiên hiện cháu D mới đ- ợc 17 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc của ng- ời mẹ và cũng phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; đồng thời chị N cũng có đủ các điều kiện để chăm sóc nuôi d- ỡng con chung. Do đó, cần giao cháu D cho chị N đ- ợc trực tiếp chăm sóc nuôi d- ỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

{3} Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Hai bên đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

{4} Về án phí: Cần buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điều 228 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. *Xử*: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Quốc Đ.

2. *Về con chung*: Giao con chung là Nguyễn Quỳnh D - sinh ngày 09/01/2017 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N, do chị N không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình*: Hai bên đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và các điều 11, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000749 ngày 07/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND T. Phú Thọ; H. Phù Ninh;
- Chi cục THADS H. Phù Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Bình Phương